

**BẢNG SỐ 05: BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN NHO QUAN**

**A. BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN NHO QUAN (Đô thị loại V)**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

ST T	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
1	Đường 477	Cầu Nho Quan	Hết bến xe khách thị trấn Nho Quan	9.000	5.400	4.500	
2	Đường 12B	Hết Bến xe khách thị trấn Nho Quan	Đến ngõ công chợ dưới mới	6.500	3.900	3.250	
		Ngõ công chợ dưới mới	Hộ ông Thêm (cũ)	5.500	3.300	2.750	
		Hộ ông Thêm (cũ)	Hết đất thị trấn (mới)	4.200	2.520	2.100	
		Ngã tư bến xe	Hết trạm xá thị trấn (cũ)	6.000	3.600	3.000	
		Hết trạm xá thị trấn (cũ)	Bảng tin Phong Lạc (Lạng Phong cũ)	5.500	3.300	2.750	
		Hết bảng tin Phong Lạc (Lạng Phong cũ)	Đường rẽ Liêu Hạ	4.200	2.520	2.100	
		Đường rẽ Liêu Hạ	Hết đất thị trấn (giáp Văn Phong)	3.600	2.160	1.800	
3	Đường trước cổng UBND huyện	Bưu điện	Ngã tư Phong Lạc	3.000	1.800	1.500	
		Ngã tư Phong Lạc	Khu Phong Nhất	2.400	1.440	1.200	
4	Đường Thanh Niên	Ngã ba Phong Lạc	Hết Trường mầm non thị trấn	1.800	1.080	900	
		Hết Trường mầm non thị trấn	Hết Trường tiểu học thị trấn	1.500	900	750	
		Hết Trường tiểu học thị trấn	Đường 477 (ngã tư bến xe)	1.500	900	750	

115

ST T	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
5	Ngõ công chợ dưới	Đường 12B	Ngã ba vào chợ mới	2.400	1.440	1.200	
		Ngã ba vào chợ mới	Giáp đường Đồng Phong (Cũ)	1.800	1.080	900	
		Giáp đường Đồng Phong cũ	Đến hết đất thị trấn (mới)	1.800	1.080	900	
6	Đường Phong Lạc	Đường 477	Bảng tin Phong Lạc	2.400	1.440	1.200	
7	Đường bến than	Giáp đường Phong Lạc	Bờ kè đê Năm Căn	2.400	1.440	1.200	
		Cửa tường đê Năm Căn	Hồ Làng sào	1.700	1.020	850	
8	Đường làng Bái	Cửa hàng dược	Giáp đường rẽ vào Trường mầm non thị trấn	1.000	600	500	
9	Đường Vành Đai	Đê Năm Căn	Đường 12B khu Phong Lai	2.000	1.200	1.000	
10	Đường sau bệnh viện (tuyến 16)	Đường 12B	Giáp đất Đồng Phong (đường vành đai)	2.000	1.200	1.000	
11	Đường vào chợ mới	Đường 12B	Cổng chợ mới	2.400	1.440	1.200	
12	Khu dân cư Phong Nhất			1.500	900	750	
13	Khu dân cư phố Tiên Lạo			550	330	275	
14	Khu dân cư bám trục đường xương cá			800	480	400	
15	Khu dân cư khu vực chợ mới			1.700	1.020	850	
16	Đường trục bê tông nối đường 12B	Điểm nối đường 12B (giáp đất ông Xuyên)	Đường sau bệnh viện (tuyến 16)	1.800	1.080	900	
17	Khu dân cư còn lại			700	420	350	

**B. BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
<b>I</b>	<b>Trục đường giao thông chính</b>						
1	Đường 12B	Hết đất thị trấn	Ngã tư đường du lịch Cúc Phương	4.500	2.700	2.250	
		Ngã tư đường du lịch Cúc Phương	Công chợ trên	4.500	2.700	2.250	
		Công chợ trên	Hết cửa hàng xăng dầu Đông Phong	4.400	2.640	2.200	
		Cửa hàng xăng dầu Đông Phong	Hết bờ máng nổi	4.000	2.400	2.000	
		Hết bờ máng nổi	Giáp Yên Thủy	2.200	1.320	1.100	
		Hết đất thị trấn	Đến đường rẽ làng Ngái	2.500	1.500	1.250	
		Đường rẽ Làng Ngái	Đường rẽ nghĩa trang Liệt Sỹ (VP)	2.200	1.320	1.100	
		Đường rẽ Nghĩa trang Liệt Sỹ (VP)	Đường rẽ làng bến- Văn Phương	1.800	1.080	900	
		Đường rẽ làng Bến- Văn Phương	Trường Trung học Văn Phú	1.200	720	600	
		Trường Trung học Văn Phú	Đường vào Công ty may Văn Phú	1.500	900	750	
		Đường vào Công ty may Văn Phú	Đường Phùng Thượng	1.800	1.080	900	
		Đường Phùng Thượng	Cửa hàng xăng dầu - ông Hồng - Phú Lộc	3.700	2.220	1.850	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		cửa hàng xăng dầu-ông Hồng-Phú Lộc	Công Lữ Đoàn 202	4.300	2.580	2.150	
		Công Lữ Đoàn 202	Cầu Sòng Sanh	3.600	2.160	1.800	
		Cầu Sòng Sanh	Dốc Vững (nhà ông Mỹ)	2.400	1.440	1.200	
		Dốc Vững (nhà ông Mỹ)	Km 16+300	2.500	1.500	1.250	
		Km 16+300	Trạm điện Quỳnh Phong	3.000	1.800	1.500	
		Trạm điện Quỳnh Phong	UBND xã Sơn Hà	3.000	1.800	1.500	
		UBND xã Sơn Hà	Giáp thành phố Tam Điệp	1.200	720	600	
2	Đường 477	Cầu Nho Quan	UBND xã Lạc Vân (cũ)	2.800	1.680	1.400	
		UBND xã Lạc Vân (cũ)	Đường rẽ Phú Sơn	2.000	1.200	1.000	
		Đường rẽ Phú Sơn	Cầu đé	1.400	840	700	
3	Quốc lộ 45	Ngã ba Phú Lộc	Hết Đập tràn	1.300	780	650	
		Hết Đập tràn	Cầu gốc Sung (chân dốc đá)	900	540	450	
		Cầu gốc Sung (chân dốc đá)	Giáp Thanh Hóa	700	420	350	
4	Quốc lộ 38B (đường 12C Anh Trỗi cũ)	Ngã ba Anh Trỗi (đường 12B)	Công Nông trường Quỳnh Sơn (cũ)	1.800	1.080	900	
		Công Nông trường Quỳnh Sơn (cũ)	Hết đất làng Me	1.500	900	750	
		Hết đất làng Me	Giáp Gia Viễn	1.000	600	500	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
5	Đường du lịch Cúc Phương	Ngã tư Đồng Phong	Đường rẽ thương Binh C	2.000	1.200	1.000	
		Đường rẽ thương Binh C	Hết đất xã Đồng Phong	1.800	1.080	900	
		Hết đất xã Đồng Phong	Hết đất xã Văn Phong	1.500	900	750	
		Hết đất xã Văn Phong	Đường rẽ Hồ 4 Yên Quang	1.400	840	700	
		Đường rẽ Hồ 4 Yên Quang	Chân dốc Sườn Bò	1.700	1.020	850	
		Chân dốc sườn bò	Đường rẽ vào nước khoáng Cúc Phương	1.000	600	500	
		Đường rẽ vào nước khoáng Cúc Phương	Bưu điện Cúc Phương	1.000	600	500	
		Bưu điện Cúc Phương	Đường rẽ ao lươn	550	330	275	
		Đường rẽ ao lươn	Quốc lộ 45-Trại Ngọc (Phú Long)	350	210	175	
		Nga 3 đường rẽ vào UBND xã Cúc Phương	Công khu du lịch Cúc Phương	800	480	400	
6	Đường 479	Ngã Ba Chạ	Hết UBND xã Gia Lâm	1.200	720	600	
		Hết UBND xã Gia Lâm	Hết thôn 7 xã Gia Lâm	1.100	660	550	
		Hết thôn 7 xã Gia Lâm	Hết đất xã Gia Sơn	550	330	275	
		Hết đất xã Gia Sơn	Hết đất xã Xích Thổ (giáp Hòa Bình)	900	540	450	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
7	Đường Phùng Thượng (Đường du lịch Núi Đính- Cúc Phương)	Giáp đường 12B	Hết đất xã Phú Lộc (giáp Kỳ Phú)	900	540	450	
		Hết đất xã Phú Lộc (giáp Kỳ Phú)	Hết Công ty Yên Phú (chân dốc Bệu)	600	360	300	
		Công ty Yên Phú (chân dốc Bệu)	Giáp đường Cúc Phương Trại Ngọc	450	270	225	
8	Đường du lịch Núi Đính	Giáp đường 12 B	Hết đất xã Sơn Lai	900	540	450	
9	Đường 477C Sơn Lai - Gia Phong Gia Viễn	Km số 0	Giáp Gia Viễn (Cầu Chàng)	1.100	660	550	
10	Đường Lạc Vân - Thạch Bình	Ngã ba đường (Đường 477)	Hết xí nghiệp gạch Phú Sơn	700	420	350	
		Xí nghiệp gạch Phú Sơn	Đường rẽ J102	480	288	240	
		Đường rẽ J 102	Hết Trường trung học cơ sở Thạch Bình	350	210	175	
		Hết Trường trung học cơ sở Thạch Bình	Hết đất Thạch Bình (giáp Hòa Bình)	220	132	110	
11	Đường trước cửa Trường phổ thông trung học Đồng Phong	Giáp đất Thị trấn (đường vành đai)	Giáp đường du lịch Cúc Phương	1.700	1.020	850	
12	Đường trục xã Đồng Phong	Đường Vành Đai	Đường du lịch Cúc Phương	1.700	1.020	850	
		Đường du lịch Cúc Phương	Hết đất đồng Phong (Giáp xã Yên Quang - qua Thương binh C)	550	330	275	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
13	Đường Nông trường Đồng Giao đi Phụng Thượng	Khe Gỏi	Quốc lộ 45	450	270	225	
		Quốc lộ 45	Đường Phụng Thượng (trung tâm)	450	270	225	
		Đường PT đi Thường Xung - Đồng Chạo	Đường du lịch Cúc Phương	220	132	110	
14	Đường trục xã Thanh Lạc	Đường 12B	Giáp đường liên xã Thượng Hòa, Sơn Thành, Thanh Lạc	550	330	275	
15	Đường liên xã Thượng Hòa, Sơn Thành, Thanh Lạc	Đê hữu Hoàng Long	Đến trạm bơm Đồng Dục	550	330	275	
16	Đường liên xã Gia Thủy, Gia Sơn	Đường 479	Hết đất Gia Thủy, xã Gia Sơn	550	330	275	
17	Đường liên xã Gia Thủy, Gia Lâm	Đường 479	Hết đất Gia Thủy, xã Gia Sơn	350	210	175	
18	Đường trục xã Phú Lộc	Đường 12B	Trạm xá mới Phú Lộc	900	540	450	
		Đường trục qua UBND xã Phú Lộc	Đường du lịch Cúc Phương	1.100	660	550	
19	Đường trục qua UBND xã Lạng Phong	Đê Năm Căn	Đường Vành Đai (giáp đất thị trấn)	1.700	1.020	850	
20	Đường đê Lợi Hà (sông Na) xã Gia Lâm	Cầu Na	Đường rẽ vào thôn 6	1.000	600	500	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
21	Đường trục chính xã Gia Thủy	Cầu Canh Bàu	Giáp đất ông Thanh thôn Mỹ Lộc	800	480	400	
		Đất ông Thanh thôn Mỹ Lộc	Giáp đất ông Tình, ông Lương thôn Mỹ Thịnh	1.000	600	500	
		Giáp đất Gia Sơn	Ông Doanh thôn Mỹ Thượng	800	480	400	
		Giáp đất ông Doanh thôn Mỹ Thượng	Giáp đất xã Gia Lâm (đường 479)	800	480	400	
		Đất ông Lực thôn Chùa	Giáp đất ông Doanh thôn Mỹ Thượng	1.000	600	500	
		Đất ông Lực thôn Chùa	Đi đập ông Thử thôn 7 Gia Lâm	600	360	300	
22	Đường liên xã Phú Lộc-Văn Phú-Văn Phương			800	480	400	
23	Đường liên xã Văn Phú-Thượng Hòa			800	480	400	
24	Đường 5 xã	Thôn 1 Phú Sơn	Thôn 4 Phú Sơn	400	240	200	
25	Đường tránh thị trấn Nho Quan đi qua địa bàn các xã Văn Phong, xã Đồng Phong			1.300	780	650	
26	Đường trục chính xã Văn Phong	Trạm Y tế xã	Đường du lịch Cúc Phương	1.000	600	500	
		Đường 12B	Trạm bơm Trảng An	600	360	300	
		Đường Thống Nhất từ nhà ông Thiệu thôn Ngải	Đối diện nhà ông Truật thôn Thượng Đồng	600	360	300	
		Đường 12B	Thôn Thượng Đồng	600	360	300	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
27	Đường trục chính xã Đức Long	Đường 477 giáp nhà ông Thái thôn Thống Nhất	Đê Đức Long giáp nhà ông Hăng	550	330	275	
		Giáp nhà ông Thiện thôn Cao Thắng	Nhà ông Đức thôn Cao Thắng	500	300	250	
<b>II</b>	<b>Khu vực nông thôn còn lại</b>						
1	Quỳnh Lưu	Đường trục chính của xã		400	240	200	
		Đường trục thôn		330	198	165	
		Các thôn còn lại		220	132	110	
3	Xã Thanh Lạc	Đường trục chính của xã		450	270	225	
		Đường trục thôn		330	198	165	
		Các thôn còn lại		300	180	150	
4	Xã Xích Thổ	Đường trục chính của xã		350	210	175	
		Đường trục thôn		220	132	110	
		Các thôn còn lại		200	120	100	
5	Xã Đức Long						
	Đường móng châu xã Đức Long	Đường trục xã giáp nhà ông Toàn thôn Thống Nhất	Đầu núi Lóng thôn Cổ Định	350	210	175	
	Đường cột cờ xã Đức Long	Từ đường trục xã giáp nhà ông Tường thôn Hiền Quan 1	Giáp đất nhà ông Tuyển thôn Cổ Định	350	210	175	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
		Điểm canh dê Đức Long	Đầu núi hang ma thôn Thần Lũy	500	300	250	
		Đường trục thôn		300	180	150	
		Các thôn còn lại		220	132	110	
6	Các thôn cận nhà máy xi măng Phú Sơn			440	264	220	
7	Khu dân cư Phong Thành xã Đồng Phong			600	360	300	
8	Đường liên thôn xã Gia Tường	Thôn Mỹ Quế	Thôn Đầm Bái	300	180	150	
		Thôn Sơn Cao	Thôn Đầm Bái	300	180	150	
9	Xã Phú Lộc	Đường trục chính của xã		400	240	200	
		Đường trục thôn		330	198	165	
		Các thôn còn lại		220	132	110	
10	Đồng Phong	Đường trục chính của xã		400	240	200	
		Đường dây 2 khu đầu giá sau cây xăng Đồng Phong		1.000	600	500	
		Đường trục thôn		330	198	165	
		Các thôn còn lại		220	132	110	
11	Xã Gia Thủy						
	Đường trước cửa UBND xã Gia Thủy	Đường liên xã Gia Thủy, Gia Sơn	Giáp hết đất nhà ông Thanh xóm Mỹ Lộc, xã Gia Thủy	350	210	175	
		Đường trục xã		550	330	275	
		Đường trục thôn		330	198	165	
		Các thôn còn lại		220	132	110	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
12	Xã Sơn Hà, Sơn Lai, Kỳ Phú, Phú Long, Cúc Phương, Yên Quang, Phú Sơn, Gia Tường, Gia Lâm, Quảng Lạc, Văn Phú, Văn Phương, Thạch Bình, Thượng Hòa, Sơn Thành, Gia Sơn	Đường trục chính của xã		350	210	175	
		Đường trục thôn		220	132	110	
		Các thôn còn lại		170	102	85	
13	Đường qua cổng trường THPT Nho Quan C (xã Gia Lâm)			500	300	250	
14	Đường đê Sơn Thành	Cổng Sậy	Cổng Ráy	400	240	200	
15	Đường trục Sơn Thành	Cầu thôn Lạm	Giáp đất Làng Dược xã Thanh Lạc	300	180	150	
16	Đường liên thôn xã Phú Sơn	Thôn 4	Thôn 5	400	240	200	
17	Xã Văn Phong	Đường trục xã		550	330	275	
		Đường trục thôn		400	240	200	
		Các thôn còn lại		220	132	110	
18	Đường Xích Thổ-Gia Sơn-Gia Thủy			500	300	250	
19	Đường trục xã Lạc Vân	Ngã 3 đường ĐT479B	Đường ĐT477 giáp nhà ông Năm	800	480	400	
		Đường ĐT477 giáp nhà ông Năm	Đường trục thôn 4 giáp nhà bà Phương	600	360	300	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
20	Đường đê Hiền Quan Lạc Vân đi Thượng Hòa	Đường ĐT477	Nhà văn hóa thôn Hiền Quan	500	300	250	
		Nhà văn hóa thôn Hiền Quan	Đường đê Ráng Thượng Hòa	500	300	250	
21	Đường xóm 3 đi thôn Bình An ( Lạc Vân)	Đường ĐT477	Đường rẽ vào nhà thờ xứ Vô Hốt	1.000	600	500	
		Đường rẽ vào nhà thờ xứ Vô Hốt	Nhà thờ xứ Vô Hốt	600	360	300	
22	Xã Lạc Vân	Đường trục thôn		220	132	110	
		Các thôn còn lại		170	102	85	
23	Lạng Phong	Đường trục chính của xã		400	240	200	
		Đường trục thôn		350	210	175	
		Các thôn còn lại		220	132	110	
		Dãy 2 đường vành đai xã Lạng Phong		1.000	600	500	
24	Xã Quảng Lạc	Đường 12 B	Giáo xứ An Ngải	500	300	250	
		Đường 12 B	Gốc Gạo	500	300	250	
		Đường 12 B	Nghĩa địa Đông Bài	500	300	250	
		Đường trục chính của xã		350	210	175	
		Đường trục thôn		220	132	110	
		Các thôn còn lại		170	102	85	